

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 22/11/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP2+PVD1+BK3	7:25	11+11+0	0+0+0		0+20+1	0+0+0	
2		RP1+P10+P5	7:25	6+8+8	0+0+0		0+7+11	0+0+0	
3		P1+P2+P7	9:25	6+13+0	0+0+0		0+19+3	0+0+0	CHUYỂN 1 PAX TỪ P1-P7
4		PVD2+CTK3+BK8	9:25	12+2+5	0+0+0		9+8+5	0+0+0	
5		P8+P3+P9	11:25	12+3+7	0+0+0		8+2+10	0+0+0	
6		CLO+PVD1+RP2	11:25	4+16+0	0+0+0		0+11+11	0+0+0	
7		TD1+VSP01+BK10	13:25	13+9+0	0+0+0		5+10+5	0+0+0	(Mũi đò VSP01 hàng)

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/RP2 ĐI VỀ TRONG NGÀY 11 NGƯỜI

FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/11/2018	TO: RP2 - PVD1 - BK3	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: LBình - DUONG - PTUẤN	ETA: 09:10
XANH-1			

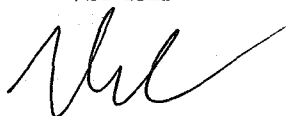
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ ĐĂNG TÂM	RP2	93	1	2		64	D-HANH	Vietnamese
2	TRẦN TÂN	RP2	94	1	2		75	D-HANH	Vietnamese
3	PHẠM VĂN QUÂN	RP2	97	1	2		67	D-HANH	Vietnamese
4	NGUYỄN TRINH	RP2	92	1	2		67	D-HANH	Vietnamese
5	KHOVRIN	RP2	91	1	2		113	D-HANH	Russian
6	AVDEEV	RP2	90	1	2		118	D-HANH	Russian
7	SVYATOKHO	RP2	96	1	3		85	D-HANH	Russian
8	YATSENKO	RP2	89	1	5		100	D-HANH	Russian
9	ORLOV	RP2	98	1	5		86	D-HANH	Russian
10	TRẦN TRUNG HIỆP	RP2	99	1	2		65	D-HANH	Vietnamese
11	BELENKO	RP2	95	1	3		95	D-HANH	Russian
12	HỒ XUÂN TUYẾN	PVD1	80	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
13	ROBERT SEAN HARRIS	PVD1	77-78	2	12		88	KHOAN	British
14	PHAN VAN HUNG	PVD1	87	1	3		88	KHOAN	Vietnamese
15	LƯU XUÂN HANH	PVD1	85	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
16	LE VAN VIET	PVD1	76	1	6		85	KHOAN	Vietnamese
17	HOANG VAN TRUNG	PVD1	82	1	4		51	KHOAN	Vietnamese
18	VU XUAN ANH	PVD1	84	1	4		61	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN QUANG VIỆT	PVD1	86	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN TRONG BANG	PVD1	81	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
21	VU VAN TRUNG	PVD1	79	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
22	DO DUC LAI	PVD1	83	1	5		60	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	11	11	30	935	0	1		
2	PVD1	11	12	62	775	0	20		
3	BK3	0	0	0	0	40	1		
TOTAL		22	23	92	1.710	40	22		
WEIGHT KG				92	1.710	40			

GRAND TOAL: 1.842 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/11/2018	TO: RP1 - P10 - P5	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - XHOÀN - Toan	ETA: 09:15
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHU VĂN LUÔNG	RP1	04	1	3		65	D-HANH	Vietnamese
2	VU MINH PHUÔNG	RP1	03	1	4	35	70	D-HANH	Vietnamese
3	POPOV A.A	RP1	07	1	5		80	KH-THAC	Russian
4	KYZMENKO T.B	RP1	08	1	5		75	KH-THAC	Russian
5	BAEV	RP1					80	ANTOAN	Russian
6	LÊ XUÂN HIÊN	RP1	01-02	2	10		60	XAYLAP	Vietnamese
7	BUI VĂN QUANG	P10					70	PSV	Vietnamese
8	NGUYEN CÔNG KHANH	P10	40	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ QUÝ BUÔNG	P10	36	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN MINH BACH	P10	27	1	5		60	PSV	Vietnamese
11	BUI VĂN NGUYỄN	P10	35	1	2	55	75	PSV	Vietnamese
12	ĐỖ ĐẠI DƯƠNG	P10	24	1	5		60	PSV	Vietnamese
13	TRẦN VĂN CÂN	P10	37	1	5		70	PSV	Vietnamese
14	TRẦN VĂN ĐẠI	P10	26	1	6		70	PSV	Vietnamese
15	ĐẶNG THANH SƠN	P5	07	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ HỒNG DƯƠNG	P5	04-05	2	17		62	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG BACH	P5	13-14	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN PHI BANG	P5	10-11	2	17		75	XAYLAP	Vietnamese
19	LÊ QUANG HUNG	P5	09	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐỖ VĂN CUÔNG	P5	06	1	12		50	XAYLAP	Vietnamese
21	LÊ XUÂN HAI	P5	12	1	12		80	XAYLAP	Vietnamese
22	TRẦN QUỐC TUAN	P5	08	1	5		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	6	6	27	430	35	0		
2	P10	8	7	45	552	55	7		
3	P5	8	11	100	542	0	11		
TOTAL		22	24	172	1.524	90	18		
WEIGHT KG				172	1.524	90			

GRAND TOAL: 1.786 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/11/2018	TO: P1 - P2 - P7	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: LBình - DUONG - PTUÁN	ETA: 11:20
XANH-2			

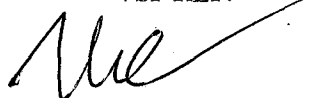
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUƠNG ANH VŨ	P1	69	1	6		65	CODIEN	Vietnamese
2	TRẦN VĂN HUY	P1	73	1	13		75	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN DUY KHANH	P1	70-71	2	18		81	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM TRUNG HỮU	P1	75	1	16	83	78	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM THAI SƠN	P1	74	1	11		72	KH-THAC	Vietnamese
6	THAI QUỐC CUÔNG	P1	72	1	7		50	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TRUNG HOÀ	P2	67-68	2	15		70	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN VĂN MẠNH	P2	33-35	3	11		72	CODIEN	Vietnamese
9	TRẦN ANH TUẤN	P2	44	1	10		78	DVL	Vietnamese
10	LÊ VĂN THẮNG	P2	45	1	12		67	DVL	Vietnamese
11	NGUYỄN QUỐC KHANH	P2	42	1	8		62	PSV	Vietnamese
12	PHẠM HỒNG DIỆN	P2	39	1	5		65	PSV	Vietnamese
13	ĐIỀU KIỆU HẠNH	P2	36	1	5		79	PSV	Vietnamese
14	PHẠM NGỌC CUÔNG	P2	40-41	2	4		68	PSV	Vietnamese
15	BUI LONG HUNG	P2	37	1	5		65	PSV	Vietnamese
16	TRẦN VĂN ĐỨC	P2	70	1	4		50	PSV	Vietnamese
17	TRẦN VIỆT BÌNH	P2	38	1	4		57	PSV	Vietnamese
18	LÊ XUÂN ĐAM	P2	43	1	3		63	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN HAI TRUNG	P2	69	1	7		60	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN HỮU QUANG	P2	71	1	10	26	57	LILAMA	Vietnamese
21	PHAN HUY THƯƠNG	P2	72	1	7		79	LILAMA	Vietnamese
22	PHẠM QUYẾT THẮNG	P2	73-74	2	11		54	LILAMA	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	6	7	71	421	83	0	4	CHUYỂN 1 PAX P1 SANG P7
2	P2	16	21	121	1.046	26	19	4	CHUYỂN 1 PAX P2 SANG P7
3	P7	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	28	192	1.467	109	22		
WEIGHT KG				192	1.467	109			

GRAND TOAL: 1.768 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/11/2018	TO: PVD2 - CTK3 - BK8	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:45
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - KHOÀN - Toan	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THANH HAI	PVD2	23	1	12		78	KHOAN	Vietnamese
2	BOIKO D.G	PVD2	26	1	15		95	KHOAN	Russian
3	NGUYỄN ANH TUẤN	PVD2	03	1	12		68	KHOAN	Vietnamese
4	VŨ ANH TUẤN	PVD2	22	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN TIẾN DŨNG	PVD2	24	1	10		92	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	PVD2	21	1	5		100	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM THẾ QUANG	PVD2	25	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
8	MẠI THANH NAM	PVD2	20	1	7	80	65	DVL	Vietnamese
9	PHAN THIÊN SƠN	PVD2	95-96	2	15	20	60	DVL	Vietnamese
10	NGUYỄN THIỆU BÌNH	PVD2	27-28	2	17		56	DVL	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN ĐÔNG	PVD2	98	1	12		70	DVL	Vietnamese
12	VŨ CHI THANH	PVD2	97	1	8		74	DVL	Vietnamese
13	TRẦN TRUNG HẬU	PVD2	04	1	7		67	T-TIN	Vietnamese
14	TRẦN NGỌC BÌNH*	CTK3	03	1	5		65	S-BAY	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN SAU	CTK3	01	1	5	20	72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐỨC ĐOÀI	BK8	40	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
17	TRƯỜNG THẾ HUY	BK8	43-44	2	12		60	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN KHẮC THO	BK8	41-42	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN ĐỨC TÍNH	BK8	45	1	12		72	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ HỒNG LONG	BK8	39	1	8		70	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	13	15	135	963	100	10		1 NB THAY CA DIEU PHAI VE TỪ CTK3
2	CTK3	2	2	10	137	20	7		
3	BK8	5	7	59	327	0	5		
TOTAL		20	24	204	1.427	120	22		
WEIGHT KG				204	1.427	120			

GRAND TOAL: 1.751 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 22/11/2018	TO: P8 - P3 - P9	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:50
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Hồi - TÙNG - Nnam	ETA: 13:30
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LAZAREV A.V	P8	91	1	10	30	80	KH-THAC	Russian
2	PHAM VAN HUNG	P8	90	1	5		71	T-TIN	Vietnamese
3	VU VAN CUNG	P8	35,82	2	20		68	T-TIN	Vietnamese
4	NGUYEN QUOC TRUNG	P8	86	1	9		72	T-TIN	Vietnamese
5	NGUYEN DINH PHU	P8	87-88	2	10		57	T-TIN	Vietnamese
6	TRAN DUC MANH	P8	83-85	3	20		79	T-TIN	Vietnamese
7	NGUYEN DUC THIEN	P8	89	1	8	24	50	T-TIN	Vietnamese
8	NGUYEN PHUC	P8	50	1	9		61	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN MINH TUE	P8	49	1	3		55	PSV	Vietnamese
10	LE DUC THUAN	P8	48	1	6		52	PSV	Vietnamese
11	DAU CONG SAU	P8	46	1	5		80	PSV	Vietnamese
12	LE VAN DUONG	P8	47	1	3		55	PSV	Vietnamese
13	MAI XUAN THANH	P3	34	1	7		67	PVC-PT	Vietnamese
14	NGUYEN ANH PHU	P3	36	1	15		61	PVC-PT	Vietnamese
15	NGUYEN CANH TOAN	P3	35	1	15		67	PVC-PT	Vietnamese
16	DO VAN KIM	P9	97	1	5	50	65	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN DANG BIEN	P9	81	1	2		80	PSV	Vietnamese
18	LE VAN VIET	P9	80	1	4		78	PSV	Vietnamese
19	PHAM THE THUAN	P9	82	1	5		72	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN QUOC TUAN	P9	83-84	2	18		70	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN CONG MANH	P9	38	1	5		65	PSV	Vietnamese
22	LE LAN PHUONG	P9	85	1	4		62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

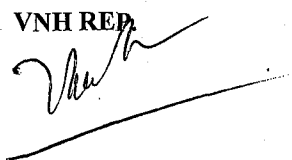
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	12	16	108	780	54	8		
2	P3	3	3	37	195	0	2		
3	P9	7	8	43	492	50	10		
TOTAL		22	27	188	1.467	104	20		
WEIGHT KG				188	1.467	104			

GRAND TOAL: 1.759 KGS

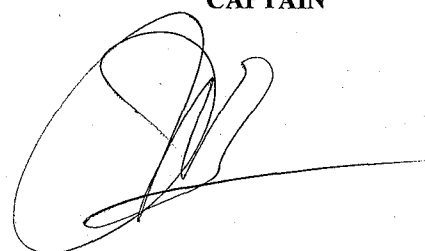
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/11/2018	TO: CLO - PVD1 - RP2	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:55
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MTHAO - Toan	ETA: 13:35
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRINH TIEN DUNG	CLO	77-78	2	17		82	SCHLUMBE	Vietnamese
2	TONG VAN THE	CLO	71-72	2	15	5	72	SCHLUMBE	Vietnamese
3	LIJITH VASANTHAL	CLO	73-74	2	17		82	SCHLUMBE	Indian
4	NGUYEN HUU TRUNG	CLO	75	1	15		75	KHOAN	Vietnamese
5	TEERAPON MEEARUN	PVD1	97	1	17		70	KHOAN	Thailand
6	TRINH MANH LINH	PVD1	99,1000	2	17		73	KHOAN	Vietnamese
7	PHAN HUY DAO	PVD1	01-02	2	15		56	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN ANH PHONG	PVD1	03-04	2	15	20	65	KHOAN	Vietnamese
9	BUI QUANG TUYNH	PVD1	98	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
10	DUONG QUOC VIET	PVD1	90	1	10	5	52	KHOAN	Vietnamese
11	BUI THAI QUI	PVD1	93	1	7		78	KHOAN	Vietnamese
12	MAI THE HIEN	PVD1	91-92	2	12		95	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN DUY LONG	PVD1	08	1	3		55	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN NGOC DANG	PVD1	94	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
15	PHAM NGOC DUC	PVD1	88	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
16	PHAN XUAN PHU	PVD1	96	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN MANH DUONG	PVD1	95	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
18	DO VAN TIEN	PVD1	07	1	5		50	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN VIET HUNG	PVD1	09	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
20	DOAN MINH QUAN	PVD1	89	1	10		70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	4	7	64	311	5	0		
2	PVD1	16	20	151	1.061	25	11		
3	RP2	0	0	0	0	0	11		
TOTAL		20	27	215	1.372	30	22		
WEIGHT KG				215	1.372	30			

GRAND TOAL: 1.617 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LĐ VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 23/11/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RC3+RC4+RP3	7:25	6+5+11	0+0+0		4+5+13	0+0+0	
2		RP2+CLO	7:25	22+0	0+0		19+3	0+0	
3		TD1+TD5+P8	7:25	18+0+4	0+0+0		7+6+9	0+0+0	
4		T.UNG	7:25	17	0		17	0	
5		VSP02+RC5	9:25	10+8	0+0		7+15	0+0	
6		RP1	9:25	22	0		22	0	
7		RP3+GTCL+BK5	9:25	22+0+0	0+0+0		17+4+1	0+0+0	
8		RC6+RCDM+RP3	11:25	7+9+4	0+0+0		6+7+9	0+0+0	
9		BK6+RC3+RP1	11:25	11+4+7	0+0+0		4+5+13	0+0+0	CHUYEN 3 PAX RC3-RP1
10		P8+BK10+VSP01	11:25	10+3+9	0+0+0		4+5+10	0+0+0	
11		TD2+BK3+RP2	13:25	6+3+13	0+0+0		2+0+20	0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/11/2018	TO: RC3 - RC4 - RP3	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: VThắng - Phong - NNam	ETA: 09:10
CAM-1			

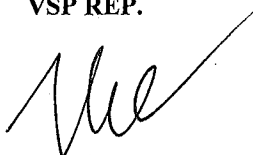
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI QUANG NINH	RC3	98	1	5		60	D-HANH	Vietnamese
2	BUI KIEN ĐUC	RC3				20	75	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYEN TRAN MINH TOAN	RC3	25-26	2	10	22	70	D-HANH	Vietnamese
4	DUONG MINH KHANH	RC3	22	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM THE MANH	RC3					70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGO KHANH NAM	RC3	23-24	2	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN QUANG BINH	RC4	79	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TRUNG TIN	RC4	81-82	2	17		95	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN DINH LOC	RC4	83	1	10	10	65	KH-THAC	Vietnamese
10	HUYNH MINH TRI	RC4	80	1	2		52	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN QUOC VIET	RC4	84-85	2	17		57	PSV	Vietnamese
12	VU VAN TOAN	RP3	49	1	2		72	D-HANH	Vietnamese
13	BUI THO SON	RP3	48	1	5		70	D-HANH	Vietnamese
14	BADIKOV .M	RP3	51	1	10		75	KH-THAC	Russian
15	NGUYEN TRI CHUNG	RP3	46	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM DUY NHIEN	RP3	53	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
17	HUYNH TAN NGON	RP3	45	1	4	35	72	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN THANH TUNG *TT	RP3	52	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
19	HO NGOC HUNG	RP3					80	KH-THAC	Vietnamese
20	CHERNIADEV	RP3	44	1	5		67	NPI	Russian
21	TRAN VAN MINH	RP3	47	1	5		80	YTE	Vietnamese
22	VU ĐUC HUNG	RP3	50	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	6	6	25	405	42	4		
2	RC4	5	7	51	354	10	5		
3	RP3	11	10	54	793	35	13		
TOTAL		22	23	130	1.552	87	22		
WEIGHT KG				130	1.552	87			

GRAND TOAL: 1.769 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/11/2018	TO: RP2 - CLO	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: HUNG - HANH - MQUAN	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE HONG DAI	RP2	37	1	4	60	74	D-HANH	Vietnamese
2	DO THANH HAI	RP2	34	1	3		102	D-HANH	Vietnamese
3	TRAN DUC KHANG	RP2	32	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
4	DINH XUAN GIANG	RP2	23	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN LIEM	RP2	33	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN HIEU	RP2	28	1	6		61	KH-THAC	Vietnamese
7	TARASENKO ALEXEY	RP2	38	1	11		75	KH-THAC	Russian
8	NGUYEN CANH TAN	RP2					78	KH-THAC	Vietnamese
9	SAVELEV	RP2	900	1	5		114	NIPI	Russian
10	PHAN NGOC QUYET	RP2					75	NIPI	Vietnamese
11	TRAN VAN SON	RP2	25	1	6		61	GETRACO	Vietnamese
12	NGUYEN DOAN BINH	RP2	30-31	2	10		67	YTE	Vietnamese
13	NGUYEN QUANG VINH	RP2	29	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN DUY HUNG	RP2	39	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN HUNG CUONG	RP2	36	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
16	DO DUC CUONG	RP2					76	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN DUC TRUONG	RP2	24	1	6		48	KH-THAC	Vietnamese
18	LE VIET TRUONG	RP2	35	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN XUAN HAI	RP2	99-100	2	10		71	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG NGOC LAN	RP2					82	KH-THAC	Vietnamese
21	LE DUC OANH	RP2	27	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
22	DO VAN DUNG	RP2	26	1	4		50	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	22	20	105	1.602	60	19		
2	CLO	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	20	105	1.602	60	22		
WEIGHT KG				105	1.602	60			

GRAND TOAL: 1.767 KGS

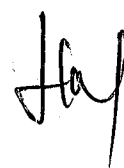
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/11/2018	TO: TD1 - TD5 - P8	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MMinh - THỤ	ETA: 09:20
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN QUANG ÚT	TD1	69	1	10	44	71	SCHLUMBE	Vietnamese
2	VŨ ANH HIỆU	TD1				102	60	SCHLUMBE	Vietnamese
3	DHAVAL GUPTA	TD1					101	SCHLUMBE	Indian
4	PAWAN PRALHAD	TD1					79	SCHLUMBE	Indian
5	NGUYEN VAN TUNG	TD1	62	1	10		72	SHITRACO	Vietnamese
6	MẠC ĐỨC TRỌNG	TD1	65	1	4		58	SHITRACO	Vietnamese
7	LUƠNG VĂN DINH	TD1	68	1	11		65	SHITRACO	Vietnamese
8	HỒ MINH TÂN	TD1	63	1	8		89	SHITRACO	Vietnamese
9	LUƠNG VĂN HẠNH	TD1	71	1	9		68	SHITRACO	Vietnamese
10	NGUYEN CANH TRUNG	TD1	67	1	11		60	SHITRACO	Vietnamese
11	ĐẶNG VĂN TUẤN	TD1	70	1	5		62	SHITRACO	Vietnamese
12	NGUYEN CƠ THẠCH	TD1	66	1	5		80	SHITRACO	Vietnamese
13	LÊ MINH DUYỀN	TD1	64	1	7		84	SHITRACO	Vietnamese
14	LÊ XUÂN HƯƠNG	TD1	81	1	12		56	SHITRACO	Vietnamese
15	HÀ VĂN HAI	TD1	77-78	2	11		69	SHITRACO	Vietnamese
16	NGUYEN BA HOANG	TD1	79	1	11		55	SHITRACO	Vietnamese
17	ĐẶNG VĂN HÒA	TD1	82-83	2	14		69	SHITRACO	Vietnamese
18	NGUYEN VĂN DUY	TD1	80	1	7		51	SHITRACO	Vietnamese
19	TRẦN ĐỨC TOÀN	P8	79-80	2	15		62	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐO VĂN NGỌC	P8	76-77	2	15		85	XAYLAP	Vietnamese
21	BUI TRỌNG TRIU	P8	81	1	18		66	XAYLAP	Vietnamese
22	HOANG NGOC HA	P8	78	1	10		64	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	18	17	135	1.249	146	7		
2	TD5	0	0	0	0	0	6		
3	P8	4	6	58	277	0	9		
TOTAL		22	23	193	1.526	146	22		
WEIGHT KG				193	1.526	146			

GRAND TOAL: 1.865 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/11/2018	TO: BK THIEN UNG	AIRCRAFT: 622	ETD: 07:25
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Phương - Đ.Trung	ETA: 10:30
XANH-1A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN BÁ HUNG	BK THIE	18-19	2	9		73	QUATEST	Vietnamese
2	NGUYỄN NHƯ Y	BK THIE	16-17	2	10		60	QUATEST	Vietnamese
3	NG. THANH NAM	BK THIE	24-25	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM MINH TUÂN	BK THIE	22	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
5	АВАКЯН С. Р.	BK THIE	03	1	4		95	KH-THAC	Russian
6	NGUYỄN QUANG TUYẾN	BK THIE	20	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI TRỌNG SƠN	BK THIE	05	1	9		72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN MINH TRI	BK THIE	14	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
9	KHÔNG THAI BÌNH	BK THIE	02	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM THANH TÙNG	BK THIE	04	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN ĐÀN	BK THIE	21	1	5	138	64	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ TIẾN VINH	BK THIE	26	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN CHÍNH	BK THIE	01	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM HỒNG SƠN	BK THIE	07-08	2	13		80	KH-THAC	Vietnamese
15	KLY	BK THIE	15	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ QUANG THÔNG	BK THIE	23	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
17	GIANG TRUNG HIẾU	BK THIE	06	1	7		102	KH-THAC	Vietnamese
18	DANG KIM THANH	BK THIE	09	1	7		65	CO DIEN	Vietnamese
19	LE HUU TUONG	BK THIE	12-13	2	15		52	CO DIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK THIEN UNG	19	24	129	1.333	138	17		
	TOTAL	19	24	129	1.333	138	17		
	WEIGHT KG			129	1.333	138			

GRAND TOAL: 1.600 KGS

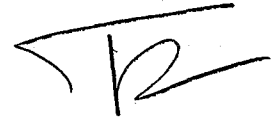
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/11/2018	TO: VSP02 - RC5	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: VThắng - Phong - NNam	ETA: 11:20
CAM-2			

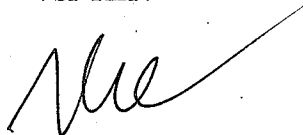
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	VSP02	81	1	5		100	PSV	Vietnamese
2	NGUYỄN HỒNG ĐỨC	VSP02	86	1	4	20	56	PSV	Vietnamese
3	HÀN VĂN HIỂU	VSP02	84	1	5		72	PSV	Vietnamese
4	NGUYỄN VŨ BA LINH	VSP02	85	1	5		70	PSV	Vietnamese
5	LUƠNG MẠNH GIANG	VSP02	83	1	5		65	PSV	Vietnamese
6	LÊ VĂN CHÍ	VSP02	82	1	5		60	PSV	Vietnamese
7	PHẠM XUÂN HUE	VSP02	91-92	2	15		60	NHATHAU	Vietnamese
8	PHẠM XUÂN THE	VSP02	93	1	10		60	NHATHAU	Vietnamese
9	CAO KHÁC PHÚC	VSP02	90	1	10		65	NHATHAU	Vietnamese
10	DANG TRONG DONG	VSP02	89	1	10		75	NHATHAU	Vietnamese
11	CAO THANH HỢP	RC5	19-20	2	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH HAI	RC5	23	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
13	VÔ VĂN ĐÔNG	RC5	22	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM VĂN THUẬN	RC5	26	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN CÔNG HÙNG	RC5					52	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐINH VĂN LIÊN	RC5	24-25	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN NAM TRUNG	RC5	18	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TIẾN HỒNG	RC5	21	1	5	65	55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	10	11	74	683	20	7		
2	RC5	8	9	47	511	65	15		
TOTAL		18	20	121	1.194	85	22		
WEIGHT KG				121	1.194	85			

GRAND TOAL: 1.400 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/11/2018	TO: RP1	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:45
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: HUNG - Hạnh - MQUÂN	ETA: 11:25
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN ĐẠI	RP1	14	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
2	ZAKHARIN	RP1	26-27	2	17		115	KH-THAC	Russian
3	ĐANG BA DIEU	RP1	13	1	5		57	YTE	Vietnamese
4	TRẦN VĂN DOANH	RP1	24	1	5		66	VIET PHAT	Vietnamese
5	PHẠM THIÊN NAM	RP1	18	1	5	65	77	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN TUÂN ANH	RP1	28	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐO ĐỨC VƯỢNG	RP1	29	1	10		87	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI VĂN THAI	RP1	15	1	11		70	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI NGỌC LONG	RP1	09	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	TRƯỜNG CÔNG THẠNH	RP1	19	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
11	HUYNH MINH SANG	RP1	25	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VIỆT HUNG	RP1	17	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐANG VU NHẬT VINH	RP1					72	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ TRI KHANH	RP1	12	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN NĂNG	RP1	23	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
16	HA QUỐC HOÀN	RP1	10	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN QUANG THÔNG	RP1	11	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI MINH ĐƯƠNG	RP1	16	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐO VĂN THANH	RP1	20	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐINH VĂN MẠNH	RP1	21	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAN TRỌNG HIỆU	RP1	22	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM BA TÀI	RP1	30	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	22	22	139	1.619	65	22		
	TOTAL	22	22	139	1.619	65	22		
	WEIGHT KG			139	1.619	65			

GRAND TOAL: 1.823 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/11/2018	TO: RP3 - GTC1 - BK5	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MMinh - THỤ	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ QUANG TỎ	RP3	61	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN ANH ĐỒNG	RP3	57	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
3	VÕ HỒ HẢI	RP3	74-75	2	6		64	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN GIA THIÊN	RP3	65	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
5	CAO ĐỨC THANH	RP3	60	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
6	DƯƠNG CHUNG THUY	RP3	69	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN SỸ ĐIỆP	RP3	70	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG VĂN HỒI	RP3	66	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN TIỀN	RP3	77	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH BÌNH	RP3	79	1	3	60	74	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HỮU MẬU	RP3	71	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐINH QUANG THANH	RP3	67	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TẤN TRỌNG	RP3	64	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN HAI HA *TT	RP3	59	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM QUỐC CHÊ	RP3	62	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN QUÝ HẢI	RP3	78	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM VĂN ĐÔNG	RP3	76	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẶNG HAI HA	RP3	72	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HIỀN	RP3	63	1	3		82	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐỨC THIÊN	RP3	68	1	5		55	CODIEN	Vietnamese
21	ĐẠO CHÍ THANH	RP3	73	1	5		82	CODIEN	Vietnamese
22	PHẠM TU ANH	RP3	58	1	9		68	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	23	115	1.540	60	17		
2	GTC1	0	0	0	0	43	4		
3	BK5	0	0	0	0	40	1		
TOTAL		22	23	115	1.540	143	22		
WEIGHT KG				115	1.540	143			

GRAND TOAL: 1.798 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/11/2018	TO: RC6 - RCDM - RP3	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:50
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Khang - MTuấn - Trường	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐÌNH NGŨ	RC6	19	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	TRỊNH VĂN TIẾN	RC6	21	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐỖ QUỐC HUY	RC6	20	1	5	35	76	KH-THAC	Vietnamese
4	DƯƠNG NHẬT THANH	RC6	22	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÌNH VĂN THÔNG	RC6	24	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VIỆT BANG	RC6	23	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VIỆT HÀ	RC6	25-26	2	17		72	PSV	Vietnamese
8	VŨ QUANG TUYẾN	RCDM	87	1	5	20	72	KH-THAC	Vietnamese
9	CU NGỌC BẠN	RCDM	65	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN LẠ	RCDM					65	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG VĂN THANH	RCDM	89	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG HỮU TRỌNG	RCDM	90-91	2	17		65	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC TÙNG	RCDM	64	1	5		70	CODIEN	Vietnamese
14	LÊ VĂN DŨNG	RCDM	88	1	10		62	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH NHÂN	RCDM	66	1	6		65	PSV	Vietnamese
16	LÊ ĐỨC CUƠNG (1972)	RCDM	63	1	5		62	PSV	Vietnamese
17	TRAN DUONG	RP3	86-87	2	17		70	CODIEN	Vietnamese
18	LAI VĂN MINH	RP3	85	1	5	35	60	KHI	Vietnamese
19	PHẠM VĂN THUY	RP3	83	1	5		80	KHI	Vietnamese
20	LÊ NGỌC TUẤN	RP3	84	1	5		75	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC6	7	8	52	514	35	6		
2	RCDM	9	9	58	601	20	7		
3	RP3	4	5	32	285	35	5		
TOTAL		20	22	142	1.400	90	18		
WEIGHT KG				142	1.400	90			

GRAND TOAL: 1.632 KGS

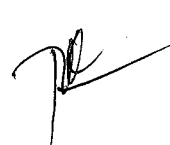
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/11/2018	TO: BK6 - RC3 - RP1	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:55
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: Hạnh - TRƯỜNG - MQUÂN	ETA: 13:35
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN CÔNG KHOAI	BK6	52	1	11	40	67	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN XUÂN TÚC	BK6	46-47	2	20		55	XAYLAP	Vietnamese
3	TẠ QUỐC CHÍNH	BK6	57-58	2	20		76	XAYLAP	Vietnamese
4	HA HUU THAI	BK6	55-56	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN NAM HOÀNG	BK6	61	1	10		52	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN TIẾN DUNG	BK6	53-54	2	17		73	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN VĂN CHIÊU	BK6	59-60	2	11		62	XAYLAP	Vietnamese
8	BUI VĂN THIẾT	BK6	45	1	10		71	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN KHÁC SƠN	BK6	49	1	15	10	56	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC QUANG	BK6	48	1	15		63	XAYLAP	Vietnamese
11	VU VĂN PHÚC	BK6	51	1	3		60	PSV	Vietnamese
12	BUI SY HIEU	RC3	56	1	5	20	64	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN NGUYỄN PHONG	RC3	58	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN NAM SƠN	RC3	57	1	7		81	GETRACO	Vietnamese
15	TẠNG THANH DÂN	RP1	55	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN TOÀN	RP1	59	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
17	TÔ NGUYỄN MINH KHÔI	RP1	58	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
18	VU BÀ NẾP	RP1	57	1	11		65	KH-THAC	Vietnamese
19	LÝ BĂNG	RP1	56	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM DUY CHUNG	RP1	54	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	11	16	152	700	50	4		CHUYỂN 3 PAX RC3 SANG RP1
2	RC3	3	3	22	213	20	5	3	
3	RP1	6	6	45	418	0	13		
TOTAL		20	25	219	1.331	70	22		
WEIGHT KG				219	1.331	70			

GRAND TOAL: 1.620 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/11/2018	TO: P8 - BK10 - VSP01	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:00
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: <i>Đ. Tuấn. Chiết</i> - THU	ETA: 13:40
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN KIM HUÔNG	P8	66-67	2	18	30	60	XAYLAP	Vietnamese
2	BUI ĐÌNH THU	P8	61	1	11		66	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN VINH PHONG	P8	60	1	18		66	XAYLAP	Vietnamese
4	HOANG KHÁC CƯỜNG	P8	58	1	12		69	XAYLAP	Vietnamese
5	KIM VĂN TÍNH	P8	56-57	2	18		62	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN ĐỨC CHIN	P8	62-63	2	16		65	XAYLAP	Vietnamese
7	VŨ DUY ĐỨC	P8	53	1	11		68	XAYLAP	Vietnamese
8	PHAN VĂN ĐỨC	P8	54-55	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
9	BUI VĂN CHUNG	P8	64-65	2	10		52	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ NHẬT TÂM	P8	59	1	7		64	XAYLAP	Vietnamese
11	LƯU CÔNG THI	BK10	11	1	7	10	61	CODIEN	Vietnamese
12	LÊ HUY BÁC	BK10	10	1	17	50	66	CODIEN	Vietnamese
13	ĐOÀN XUÂN CƯỜNG	BK10	12	1	10		72	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN KHÂN	VSP01	40	1	6		70	PSV	Vietnamese
15	VŨ VĂN ĐIỆP	VSP01	36	1	4		65	PSV	Vietnamese
16	LÊ CAO HAI	VSP01	35	1	5		64	PSV	Vietnamese
17	DƯƠNG BA HUNG	VSP01	41	1	3		72	PSV	Vietnamese
18	ĐÌNH DOÀN TUNG	VSP01	38	1	5		56	PSV	Vietnamese
19	HÀ THỊ BÌNH	VSP01	39	1	2		67	PSV	Vietnamese
20	HÀ VĂN NIÊM	VSP01	37	1	3		64	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN HỒNG THĂNG	VSP01	42	1	5		85	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	10	15	136	642	30	4		
2	BK10	3	3	34	199	60	5		
3	VSP01	8	8	33	543	0	10		
TOTAL		21	26	203	1.384	90	19		
WEIGHT KG				203	1.384	90			

GRAND TOAL: 1.677 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/11/2018	TO: TD2 - BK3 - RP2	AIRCRAFT: 846	ETD: 14:00
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: Khang - MTuấn - Trường	ETA: 15:40
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THANH TÙNG	TD2	68	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
2	LÊ HUYNH TRUNG	TD2	62	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
3	PHAM VIET BE NGHIA	TD2	69-70	2	17		70	BAKER HU	Vietnamese
4	ĐẶNG XUÂN QUÝ	TD2	65-66	2	17	55	53	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN TÂN NHAN	TD2	63,67	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
6	TÔ QUỐC TUẤN	TD2	64	1	17		62	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN VAN DEN	BK3	94	1	6		54	DUYLINH	Vietnamese
8	NGUYEN VAN CONG	BK3	43	1	8		75	DUYLINH	Vietnamese
9	NGUYEN TAN TRUNG	BK3	95	1	5		48	DUYLINH	Vietnamese
10	VU HUU QUAN	RP2	53	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM TRUNG KIẾN	RP2					78	KH-THAC	Vietnamese
12	VÔ HOANG CẨM	RP2	60	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	55	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN TÂN TÀI	RP2					73	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ LAM	RP2					70	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐOÀN KIM NGÂN	RP2	52	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN XUÂN SAU	RP2	56	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI NGỌC THÂN	RP2					72	KH-THAC	Vietnamese
19	LƯU VĂN ĐIỀN	RP2	51	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ CHÍ CÔNG	RP2	57-58	2	10		90	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN ĐỨC THIÊN	RP2	59	1	7		60	XAYLAP	Vietnamese
22	VÔ THANH NHẬT	RP2	45	1	3		75	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	6	9	78	405	55	2		
2	BK3	3	3	19	177	0	0		
3	RP2	13	10	63	908	0	20		
TOTAL		22	22	160	1.490	55	22		
WEIGHT KG				160	1.490	55			

GRAND TOAL: 1.705 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN